

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠNH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2024/DS-ST  
Ngày: 31-7-2024  
V/v tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Văn Tú

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Thanh Hùng
2. Ông Trịnh Xuân Tùng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Hữu Văn - Thư ký Tòa án.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 176/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 63A/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Cao Minh P, sinh năm: 1984; địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp (theo ủy quyền) của nguyên đơn: ông Trương Phạm Công B, sinh năm 1996; địa chỉ thường trú: 188/89 ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Lâm Thị Bích P1, sinh năm: 1976 và ông Phạm Văn Út E, sinh năm: 1971; cùng địa chỉ: số C ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. (cùng vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng ông Trương Phạm Công B là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Cao Minh P trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết, ông Cao Minh P có cho vợ chồng ông Phạm Văn Út E, bà Lâm Thị Bích P1 mượn số tiền 1.085.000.000 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi lăm triệu đồng), ngày 22/11/2023 vợ chồng ông Út E bà Bích P1 có trả cho ông Cao Minh P được số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng), số tiền nợ còn lại là 385.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi lăm triệu đồng) ông Út E, bà Bích P1 cam kết đến tháng 02 năm 2024 sẽ trả cho ông P số tiền 385.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi lăm triệu đồng), ông Út E bà Bích P1 có viết “Giấy cam kết” ngày 22/11/2023 giao cho ông P giữ để làm tin nhằm đảm bảo cho việc trả nợ.

Đến hạn trả nợ, ông P nhiều lần liên hệ yêu cầu ông Út E, bà Bích P1 thực hiện cam kết ngày 22/11/2023 trả cho ông P số tiền còn lại là 385.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi lăm triệu đồng) nhưng ông Út E, bà Bích P1 không thực hiện.

Nhận thấy, quyền và lợi ích hợp pháp không được đảm bảo. Ông Cao Minh P yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Phạm Văn Út E và bà Lâm Thị Bích P1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Cao Minh P số tiền là 385.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi lăm triệu đồng). Không yêu cầu tính lãi suất số tiền trên.

*Bị đơn bà Lâm Thị Bích P1 và ông Phạm Văn Út E vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng tại Tòa án nên không có lời trình bày.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Minh P thì vụ án có quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Lâm Thị Bích P1 và ông Phạm Văn Út E cư trú tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Bị đơn bà Lâm Thị Bích P1 và ông Phạm Văn Út E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lâm Thị Bích P1 và ông Phạm Văn Út E.

[3] Về nội dung tranh chấp: nguyên đơn ông Cao Minh P yêu cầu bị đơn bà Lâm Thị Bích P1 và ông Phạm Văn Út E có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ là 385.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Về nghĩa vụ chứng minh: tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Minh P đã cung cấp cho Tòa án là bản gốc Văn bản có tiêu đề “Giấy cam kết” đề ngày 22/11/2023 có nội dung: *“chúng tôi đứng tên dưới đây Lâm Thị Bích P1 sn 1976, Phạm Văn Út E sn 1971, 35/1 ấp A, xã A, T, Bến Tre nay chúng tôi cam kết như sau: ngày 22-11-2023 vợ chồng tôi đã trả cho ông Cao Minh P số tiền nợ là 700.000.000đ, số tiền nợ còn lại là 385.000.000 đồng (bao gồm tiền vốn và tiền lãi tính đến ngày 22-11-2023) vợ chồng tôi cam kết trả cho ông Cao Minh P trong tháng 2-2024 (Sau khi vay tại Ngân hàng V chúng tôi trả đủ số tiền trên, người viết cam kết Lâm Thị Bích P1, Phạm Văn Út E”*. Phía nguyên đơn xác định bà Lâm Thị Bích P1 và ông Phạm Văn Út E có ký tên vào “Giấy cam kết” này.

Đối với bị đơn bà Lâm Thị Bích P1 và ông Phạm Văn Út E đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và bản sao các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án theo đúng quy định nhưng vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập và vắng mặt tại phiên tòa. Bà Lâm Thị Bích P1 và ông Phạm Văn Út E không đưa ra ý kiến phản đối về các chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Trên cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện và các tài liệu của nguyên đơn cung cấp, việc không phản đối của bị đơn bà Lâm Thị Bích P1 và ông Phạm Văn Út E; do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án công nhận tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp làm cơ sở xác định giữa nguyên đơn ông Cao Minh P với bị đơn bà Lâm Thị Bích P1 và ông Phạm Văn Út E có xác lập, thực hiện hợp đồng vay tài sản và bà Lâm Thị Bích P1 và ông Phạm Văn Út E có nợ của ông Cao Minh P số tiền 385.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi lăm triệu đồng) nhưng chưa trả. Đồng thời có đủ cơ sở xem xét hợp đồng vay tài sản được ông Cao Minh P với bà Lâm Thị Bích P1 và ông Phạm Văn Út E giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên đều có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp và được công nhận theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Về nghĩa vụ trả tiền: từ những căn cứ như đã nêu ở trên có căn cứ xác định bị đơn bà Lâm Thị Bích P1 và ông Phạm Văn Út E chưa thanh toán cho ông Cao Minh P số tiền 385.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi lăm triệu đồng) là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, cần buộc bà Lâm Thị Bích P1 và ông Phạm Văn Út E có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Cao Minh P số tiền 385.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi lăm triệu đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[4] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Lâm Thị Bích P1 và ông Phạm Văn Út E có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Án phí được tính như sau: 385.000.000 đồng x 5% = 19.250.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 288, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Minh P đối với bị đơn bà Lâm Thị Bích P1 và ông Phạm Văn Út E. Buộc bà Lâm Thị Bích P1 và ông Phạm Văn Út E có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Cao Minh P số tiền 385.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Lâm Thị Bích P1 và ông Phạm Văn Út E có nghĩa vụ liên đới chịu 19.250.000 đồng.

Ông Cao Minh P được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.625.000 đồng theo biên lai thu số 0000120 ngày 22/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hồ Văn Tú**